

Bản án số: **38 /2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 6 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2025 giữa:

- Nguyên đơn: ông **Cao Phan Duy T**, sinh năm 2004; địa chỉ: tổ D, phường H, quận L, Đà Nẵng. *Có mặt*

- Bị đơn: bà **Trình Thị Phương D**, sinh năm 2003; địa chỉ: tổ B, phường H, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Phan Duy T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trình Thị Phương D kết hôn theo nghi lễ truyền thống từ đầu năm 2023 và đến năm 2024 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H (Giấy chứng nhận kết hôn số: 77 ngày 21/6/2024. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không phù hợp, bà D thiếu trách nhiệm

với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ cuối năm 2024, ông T và bà D đã sống mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay ông Cao Phan Duy T xác định không còn tình cảm với bà D, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà Trình Thị Phương D.

Về con chung: Ông Cao Phan Duy T xác định ông và bà Trình Thị Phương D có một con chung là Cao Duy B, sinh ngày 01/4/2023. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng. Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu, cụ thể: giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Cao Phan Duy T xác định ông và bà Trình Thị Phương D không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Bị đơn là bà Trình Thị Phương D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn là bà Trình Thị Phương D quá trình tố tụng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến phản hồi là đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Cao Duy B cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có, bị đơn không có ý kiến nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn ông Cao Phan Duy T khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn Trình Thị Phương D có địa chỉ cư trú tại tổ B, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Trình Thị Phương D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: xét yêu cầu ly hôn với bà Trình Thị Phương D của nguyên đơn thì thấy:

Ông Cao Phan Duy T và bà Trình Thị Phương D đã đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, các bên có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo Luật hôn nhân và gia đình.

Cũng theo luật Hôn nhân và gia đình, giữa vợ chồng việc sống chung, yêu thương vừa là quyền vừa là nghĩa vụ để các bên duy trì hôn nhân. Tuy nhiên theo ông T trình bày thì sau khi vợ chồng sống chung được thời gian ngắn giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau trong cuộc sống; điều này hoàn toàn phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Trình Thị Phương D tham gia phiên hòa giải nhưng bà D có tình vắng mặt, việc vắng mặt này cho thấy bà D không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với bà Trình Thị Phương D của ông Cao Phan Duy T.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Cao Phan Duy T xác định ông và bà Trình Thị Phương D có một con chung là Cao Duy B, sinh ngày 01/4/2023. Tại phiên tòa, ông T có nguyện vọng giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện hàng tháng cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng.

Hội đồng xét xử thấy cháu Cao Duy B hiện còn nhỏ, vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sinh sống cùng với bà D nên dù bà D không có ý kiến nhưng căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cháu B cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với ý kiến cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng của ông Cao Phan Duy T phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Cao Phan Duy T xác định ông và bà D không có tài sản chung, không có nợ chung; bà Trình Thị Phương D không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con ông Cao Phan Duy T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông Cao Phan Duy T đối với bà Trình Thị Phương D.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ông Cao Phan Duy T ly hôn với bà Trình Thị Phương D.

2. Về con chung: Giao cho bà Trình Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Duy B, sinh ngày 01/4/2023. Hàng tháng, ông Cao Phan Duy T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Cao Phan Duy T xác định ông và bà Trình Thị Phương D không có tài sản chung, không có nợ chung; bà Trình Thị Phương D không có ý kiến.

4. Buộc ông Cao Phan Duy T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007354 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Ông T phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- UBND phường H;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI